

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 140/2025/HS-PT
Ngày 03 tháng 9 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tấn Long, ông Trần Đức Kiên

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Lữ Thị Hằng

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 03 tháng 9 năm 2025, phiên tòa công khai mở tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 317/2025/TLPT-HS ngày 27/6/2025 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 518/2025/QĐXXPT-HS ngày 15/8/2025 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Lâm Thục T** (tên gọi khác: **B**), sinh ngày 16 tháng 02 năm 1992 tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); nơi cư trú **0 T, phường T, quận P, thành phố H** (nay là **0 T, phường P, thành phố H**); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên **Công ty I**; cha: **Lâm Thành T1**, sinh năm 1964 và mẹ: **Trần Thị Thùy N**, sinh năm 1965; chồng: **Trần Việt T2**, sinh năm 1992; và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 25/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn áp dụng biện pháp bảo lãnh cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Hoàng Thị D**, sinh ngày 21 tháng 10 năm 1992 tại tỉnh Quảng Trị; nơi thường trú: **B Bà T, phường X, quận T, thành phố H** (nay là **B Bà T, phường V, thành phố H**); nơi tạm trú: **24E kiết E H, phường A, quận T, thành phố H** (nay là **24E kiết 56 H, phường A, thành phố H**); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Giáo viên tự do; cha: **Hoàng Xuân Q**, sinh năm: 1942; mẹ: **Nguyễn Thị X**, sinh năm: 1950; chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2024 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp bảo lãnh ngày 25/10/2024, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lâm Thục T: Luật sư Nguyễn Đình H - Công ty L5, đoàn Luật sư thành phố H; địa chỉ: B P, phường P, quận T, thành phố H (nay là B P, phường T, thành phố H), có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Thị D: Luật sư Trần Thị Ly L1 - Công ty L6, đoàn Luật sư tỉnh Q; địa chỉ: 1 T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (nay là 1 T, phường N, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Bị hại:

1. Công ty Cổ phần I; địa chỉ: B đường H, phường T, thành phố H. Đại diện theo pháp luật bà Park Eun J - Giám đốc Công ty, có mặt. *Người phiên dịch* bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm 1999; địa chỉ: 8 Kiệt C B, phường T, thành phố H, có mặt.

2. Trung tâm B1; địa chỉ: B T, phường P, thành phố H, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trần Viết T2 (chồng bị cáo Lâm Thục T), sinh năm 1992; địa chỉ: 0 T, phường T, quận P, thành phố H (nay là 0 T, phường P, thành phố H), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dự án “Công viên chủ đề VR Đi tìm Hoàng C đã mất” tại Trung tâm T3, nằm ở khu vực phía Đông Điện T, Hoàng Thành H (gọi tắt là Trung tâm V1) là dự án hợp tác kinh doanh giữa Công ty I (doanh nghiệp có vốn đầu tư Hàn Quốc) và Trung tâm B1, được thực hiện sau khi được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân tỉnh T. Ngày 25/9/2017, Công ty I và Trung tâm B1 ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTKD; đến ngày 25/12/2021, tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/PLHĐHTKD. Trung tâm B1 có trách nhiệm cung cấp địa điểm mặt bằng trên diện tích 318m² nằm ở khu vực phía đông Điện T, Hoàng Thành H để triển khai dự án, Công ty I chịu trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, triển khai thực hiện kinh doanh theo hợp đồng, quản lý và điều hành đội ngũ cán bộ kỹ thuật, nhân viên phục vụ dự án. Hai bên thành lập Ban Điều hành để giám sát, quản lý, điều hành mọi kế hoạch, hoạt động, xác định doanh thu bán vé và các dịch vụ phụ trợ khác tại Trung tâm V1. Giá vé điện tử dịch vụ trải nghiệm thực tế ảo tại Dự án VR vào năm 2022 là 60.000 đồng đối với người lớn; 30.000 đồng đối với trẻ em. Công ty I thực hiện đăng ký giá vé với cơ quan Thuế để thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật. Việc phân chia lợi nhuận kinh doanh giai đoạn từ 01/5/2020 - 9/2022, Trung tâm B1 được hưởng 7%, Công ty I hưởng 93% (trên tổng doanh thu của dự án).

Để thực hiện dự án, từ đầu năm 2022 đến tháng 9/2022, Công ty I, ký hợp đồng lao động với 11 người, trong đó có Lâm Thục T và Hoàng Thị Diệu. Lâm Thục T được giao nhiệm vụ đứng quầy lễ tân để in, bán vé, thu tiền từ khách hàng; kiểm soát lượng khách và vé khi lên xem phim thực tế ảo, cuối ngày báo cáo, nhập số liệu lên phần mềm quản lý của Công ty Cổ phần I. Hoàng Thị D được giao

nhiệm vụ thủ quỹ, điều hành khách lên xem phim thực tế ảo, khi **Lâm Thục T** và các nhân viên khác thực hiện các công việc khác cùng các nhân viên tại **Trung tâm V1**.

Từ ngày 23/6/2022, Trung tâm VR sử dụng phần mềm VNPT - eTicket của **Tập đoàn V2** để in vé sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo và bán cho khách hàng. Phần mềm VNPT - eTicket thao tác trên nền website giao diện ứng dụng Web client, chỉ cho phép người được cấp quyền đăng nhập mới sử dụng được phần mềm để in vé; phần mềm có lập trình bộ đếm số lần in đối với 01 mã vé và thống kê in vé; khi có lệnh in vé, phần mềm sẽ xuất 01 hóa đơn thuế điện tử tương ứng với mã vé đến cơ quan thuế để kiểm tra, tính thuế; phần mềm cho phép copy vé và in lại vé. Nhưng vé in lại vẫn sử dụng lại mã vé đã được cơ quan thuế ghi nhận trước đó, dữ liệu phần mềm sẽ lưu ở máy chủ và trên hệ thống báo là mã vé này đã in bao nhiêu lần tương ứng với số lần in lại của mỗi mã vé đó. Đối với việc in vé thông qua copy, khi người sử dụng chọn loại vé cần in và kích chuột vào mục copy, sẽ hiện ra số lượng copy để người dùng chọn, máy sẽ in vé gốc và lượng vé tương ứng đã chọn, khi copy vé thì phần mềm không lưu giữ lại thông tin như khi chọn in lại. Tuy việc thực hiện in vé qua các cách khác nhau nhưng vé do “in lại” hay vé do “copy” đều giống vé in lần đầu 100%, không hề có sự khác biệt.

Tại Trung tâm VR thiết bị để sử dụng phần mềm VNPT - eTicket gồm 01 máy tính có kết nối mạng internet do **V** cung cấp, 01 máy in nhiệt để in vé. Từ 01/7/2022 đến 07/8/2022 chỉ có tài khoản trnhlt.hue cấp cho **Lâm Thục T** đăng nhập, in vé trên phần mềm VNPT - eTicket tại Trung tâm VR. Từ khi sử dụng phần mềm VNPT - eTicket vào ngày 23/6/2022 đến ngày 07/8/2022, có 05 sự cố kỹ thuật liên quan đến phần mềm VNPT - eTicket, vào các ngày 09/7/2022, 13/7/2022, 21/7/2022, 29/7/2022, 02/8/2022. Khi có sự cố kỹ thuật **Lâm Thục T** (hoặc **Hoàng Thị D**) nhắn lên nhóm Zalo của **Công ty II**, sau đó sẽ có nhân viên **V3** hỗ trợ khắc phục.

Vào tháng 7/2022, **Lâm Thục T** phát hiện phần mềm in vé VNPT eTicket có chức năng in lại và copy (gọi chung là sao chép) vé sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo. Ban đầu, **Lâm Thục T** đã thử sao chép vé nhưng chưa bán cho khách hàng, và theo dõi việc sao chép vé có bị phát hiện không. Sau khi nhận thấy việc sao chép vé không có ai phát hiện, phía Công ty không có ý kiến gì, nên **T** nghĩ Công ty không biết việc sao chép vé, **T** bắt đầu thực hiện hành vi in lại vé, copy vé bán và chiếm đoạt tiền. Từ 01/7/2022 đến 07/8/2022, tài khoản trnhlt.hue đã có 7.969 lần in lại từ 02 lần trở lên đối với 01 mã vé (3.070 lần in vé trẻ em và 4.899 lần in vé người lớn). Trong đó, **T** đã in lại tổng cộng 2.695 vé (1753 vé người lớn và 942 vé trẻ em). Những ngày **Lâm Thục T** nghỉ, **Hoàng Thị D** thay **Trình** việc in vé, bán vé. Trong những ngày **Hoàng Thị D** làm thay **T**, tài khoản trnhlt.hue do **D** quản lý, đã in ra 5.274 vé, trong đó 3.146 vé người lớn và 2128 vé trẻ em.

Số vé in lại từ lần thứ 02 trở lên này, được **Lâm Thục T** kết hợp với số vé in lần thứ nhất, vé copy và bán cho khách hàng. Số tiền bán vé lần thứ nhất được **Trình** tổng hợp, báo cáo doanh thu và nộp hàng ngày cho **Hoàng Thị D**, để **D**

chuyển cho Công ty II, riêng số tiền thu được từ việc bán vé in lại vé copy, Lâm Thục T chiếm đoạt. Do đó, có sự chênh lệch giữa số liệu doanh thu bán vé hàng ngày và số lượng khách vào sử dụng dịch vụ. Cụ thể: Ngày 22/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 231, doanh thu T báo là 185, Chênh lệch 46 người. Ngày 23/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 428, doanh thu T báo là 377, Chênh lệch 51 người. Ngày 24/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 355, doanh thu T báo là 252, Chênh lệch 103 người. Ngày 25/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 316, doanh thu T báo là 230, Chênh lệch 86 người. Ngày 26/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 258, doanh thu T báo là 171, Chênh lệch 87 người. Ngày 28/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 406, doanh thu T báo là 287, Chênh lệch 119 người. Ngày 29/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 414, doanh thu T báo là 268, Chênh lệch 146 người. Ngày 30/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 316, doanh thu T báo là 230, Chênh lệch 86 người. Ngày 31/7/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 396, doanh thu T báo là 322, Chênh lệch 74 người. Ngày 01/8/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 306, doanh thu T báo là 179, Chênh lệch 127 người. Ngày 02/8/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 259, doanh thu T báo là 140, Chênh lệch 119 người. Ngày 04/8/2022, số khách sử dụng dịch vụ có vé là 370, doanh thu T báo là 244, Chênh lệch 146 người.

Tổng số khách sử dụng dịch vụ tại Trung tâm VR có vé trong 12 ngày nêu trên là 4055 người, doanh thu T báo về công ty là 2865 người, chênh lệch 1190 người. Do không có cơ sở xác định những vé sao chép T bán cho khách hàng là người lớn hay trẻ em, nên áp dụng cách tính số tiền chiếm đoạt theo cách có lợi cho bị can là $1190 \times 30.000 \text{ đồng/vé} = 35.700.000 \text{ đồng}$. Số tiền chiếm đoạt từ việc sao chép vé bán cho khách hàng được Lâm Thục T lấy hàng ngày và phục vụ mục đích tiêu sài cá nhân.

Trong tháng 7/2022, Lâm Thục T nghỉ làm 04 ngày (không đến Trung tâm VR gồm các ngày 07/7/2022, 14/7/2022, 21/7/2022 và 27/7/2022). Những ngày này, Hoàng Thị D vừa làm thủ quỹ, vừa làm nhiệm vụ in vé, bán vé, thu tiền vé và điều hành khách lên xem phim thực tế ảo. Hoàng Thị D được giao sử dụng tài khoản trnhlt.hue, để in vé bán cho khách hàng, D đã dùng tài khoản trnhlt.hue in ra 5.274 vé (3.146 vé người lớn và 2128 vé trẻ em) theo hệ thống báo lại. Trong đó, ngày 14/7/2022 in 129 vé (79 vé người lớn và 50 vé trẻ em); ngày 21/7/2022 in 5095 vé (3017 vé người lớn và 2078 vé trẻ em); ngày 27/7/2022 in 50 vé người lớn. Do có một lượng vé in lại được Lâm Thục T in ra từ trước đó chưa bán hết, nên đến cuối ngày 26/7/2022, còn dư một số lượng vé chưa bán (không xác định được số lượng cụ thể). Số lượng vé chưa bán này, được Lâm Thục T đưa lại cho Hoàng Thị D tiếp tục bán vào ngày 27/7/2022. Ngày 27/7/2022 Hoàng Thị D sử dụng tài khoản trnhlt.hue, in 241 vé in lần thứ nhất (đây là vé Diêu báo doanh thu về công ty), đồng thời in lại 50 vé người lớn vào lúc 7 giờ 58 phút ngày 27/7/2022. Số vé in lại, số vé dư chưa bán hết và vé in lần 1 được Hoàng Thị D để chung vào một chỗ và bán cho khách hàng. Qua kiểm tra camera xác định từ 08 giờ sáng đến cuối ngày 27/7/2022, Hoàng Thị D đã bán vé cho 399 người lên sử dụng dịch vụ VR. Trong đó, 338 người ngồi xem dịch vụ VR ở 02 phi thuyền thứ nhất và thứ

hai, 61 người còn lại có mua vé và lên khu vực phi thuyền thứ 3 để sử dụng dịch vụ. Khoảng 17h ngày 27/7/2022, **Hoàng Thị Diệu kiểm Đ** tiền vé và thống kê báo về công ty. Khi báo cáo doanh thu bán vé, **Hoàng Thị D** không dựa vào số lượng vé đã bán thực tế hàng ngày mà chỉ dựa vào số liệu vé đã in được báo trên phần mềm VNPT - eTicket. Do đó, có sự chênh lệch giữa số liệu doanh thu bán vé ngày 27/7/2022 và số lượng khách vào sử dụng dịch vụ. Cụ thể: số khách sử dụng dịch vụ có vé là 399 khách, nhiều hơn 158 người so với doanh thu bán vé **Hoàng Thị Diệu** báo trong ngày là 241 vé. Đối với các ngày 07/7/2022, 14/7/2022, 21/7/2022 không có dữ liệu camera, do đó không có cơ sở xác định **Hoàng Thị D** chiếm đoạt tiền bán vé trong những ngày này.

Như vậy, có tổng cộng 158 người được **Hoàng Thị D** bán vé, thu tiền vé nhưng không nộp tiền về công ty. Do không có cơ sở xác định 158 người này là trẻ em hay người lớn, nên áp dụng cách tính có lợi cho **Hoàng Thị D** là $158 \times 30.000 \text{ đồng}/01 \text{ vé trẻ em} = 4.740.000 \text{ đồng}$. Số tiền này, **Hoàng Thị D** không nộp về công ty mà chiếm đoạt cho bản thân.

Tại bản Kết luận giám định số 57/KL-KTHS ngày 28/02/2023 của **Phòng K1 Công an tỉnh T**, kết luận: “Chữ viết, chữ ký mang tên **Lâm Thục T** trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết, chữ ký đứng tên **Lâm Thục T** trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M11 do cùng một người viết, ký ra”.

Tại bản Kết luận giám định số 771/KL-KTHS ngày 20/11/2023, của **Phòng K1 Công an tỉnh T** kết luận: “08 (tám) tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định không bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung”.

Tại bản Kết luận giám định số 183/KL-KTHS ngày 02/4/2024 và Kết luận giám định số 229/KL-KTHS ngày 12/4/2024, của **Phòng K1 Công an tỉnh T** kết luận: “các tệp video lưu trong mẫu vật gửi giám định không bị cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung”.

* Vật chứng, đồ vật, tiền tạm giữ:

- 01 ổ cứng di động hiệu ORICO, vỏ nhựa, màu đen chứa 51 file video ghi hình ảnh của Trung tâm VR do **Công ty II** cung cấp.

- 02 USB chứa file video ghi hình ảnh của Trung tâm VR do **Công ty II** cung cấp.

- Tạm giữ số tiền 60.000.000 đồng tiền **Ngân hàng N2** do **Lâm Thục T** (thông qua chồng là **Trần Viết T2**) nộp khắc phục hậu quả.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng đồng tạm giữ của **Lâm Thục T**

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh tạm giữ của **Hoàng Thị Diệu**.

* Về xử lý vật chứng: Tiếp tục tạm giữ các vật chứng, đồ vật, tiền để phục vụ việc truy tố, xét xử.

Tại bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSTTH-P1 ngày 11/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế) đã truy tố bị cáo **Lâm Thục T** về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 và **Hoàng Thị D** về tội “Tham ô tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo **Lâm Thục T** 02 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ các khoản 1 Điều 353 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị D** 02 năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 09/4/2024.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 353 của Bộ luật Hình sự:

Cấm bị cáo **Lâm Thục T**, **Hoàng Thị D** đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 589 và Điều 597 của Bộ luật Dân sự buộc bị cáo **T** phải nộp số tiền 35.700.000 đồng; gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp 60.000.000 đồng nên giao số tiền 35.700.000 đồng **Công ty Cổ phần I**, số tiền còn lại trả cho gia đình bị cáo **T**;

Buộc bị cáo **D** phải nộp số tiền 4.740.000 đồng cho **Công ty Cổ phần I**. Trả lại số tiền trên cho người đã nộp là **Nguyễn Như Nhật L3** nhân viên của **Công ty L5**.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 3 Điều 106, điểm e khoản 3 Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Vật chứng là 01 ổ cứng di động hiệu ORICO, vỏ nhựa, màu đen chứa 51 file video ghi hình ảnh của Trung tâm VR do **Công ty I** cung cấp, 02 USB chứa file video ghi hình ảnh của **Trung tâm V1** do **Công ty I** cung cấp tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

+ Vật chứng là 01 điện thoại di động hiệu đã qua sử dụng hiệu Iphone 11 Pro max màu vàng đồng tạm giữ của **Lâm Thục T** và 01 điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh tạm giữ của **Hoàng Thị D**, đây là tài sản của các bị cáo cần trả lại cho các bị cáo, tuy nhiên tiếp tục tạm giữ để bảo đảm thi hành án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo **Lâm Thục T** và bị cáo **T** đề nghị: giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo **Hoàng Thị D** và bị cáo **D** cho rằng: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là **thành phố H**) không thể làm sáng tỏ nhiều chứng cứ quan trọng có liên quan để buộc tội bị cáo **D**; căn cứ Điều 13 và khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tuyên bố bị cáo **Hoàng Thị D** không có tội và phục hồi quyền lợi của bị cáo trong thời gian điều tra, truy tố và xét xử.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 07/5/2025, Tòa án nhân dân thành phố Huế quyết định:

1. Về tội danh:

*Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Thục T** và bị cáo **Hoàng Thị D** phạm tội “Tham ô tài sản”.*

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 2, 5 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt bị cáo **Lâm Thục T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 25/4/2024.*

*Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Lâm Thục T** đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.*

- Căn cứ khoản 1, 5 Điều 353; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

*Xử phạt bị cáo **Hoàng Thị D** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.*

*Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Hoàng Thị D** đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.*

*Giao bị cáo **D** cho Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.*

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

*- Bị cáo **Lâm Thục T** kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo.*

*- Bị cáo **Hoàng Thị D** kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm và tuyên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản.*

Tại phiên tòa phúc thẩm:

*- Bị cáo **Lâm Thục T** và người bào chữa cho bị cáo **T** đề nghị giảm hình phạt hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.*

*- Bị cáo **Hoàng Thị D** và người bào chữa cho bị cáo **D** đề nghị cấp phúc thẩm hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc tuyên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản.*

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, căn cứ quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc xin được hưởng án treo của bị cáo Lâm Thục T:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như Tòa án cấp sơ thẩm xác định đó là từ đầu năm 2022 đến tháng 9/2022, Công ty I ký hợp đồng lao động với Lâm Thục T và Hoàng Thị Diệu. Lâm Thục T được giao nhiệm vụ đứng quầy lễ tân để in, bán vé, thu tiền từ khách hàng; kiểm soát lượng khách và vé khi lên xem phim thực tế ảo, cuối ngày báo cáo, nhập số liệu lên phần mềm quản lý của Công ty Cổ phần I; Hoàng Thị D được giao nhiệm vụ thu quỹ; in, bán vé, thu tiền từ khách hàng, điều hành khách lên xem phim thực tế ảo và điều hành các nhân viên khác tại Trung tâm VR. Lợi dụng phần mềm in vé VNPT - eTicket có chức năng sao chép vé sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo, trong 12 ngày (gồm các ngày 22/7/2022, 23/7/2022, 24/7/2022, 25/7/2022, 26/7/2022, 28/7/2022, 29/7/2022, 30/7/2022, 31/7/2022, 01/8/2022, 02/8/2022, 04/8/2022) T đã in và bán vé cho 4.055 người sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo, nhưng T chỉ báo về Công ty 2865 người, chiếm đoạt 1190 vé với tổng số tiền 35.700.000 đồng. Trong 12 ngày T thực hiện hành vi phạm tội, có 10 ngày T chiếm đoạt số tiền trên 2.000.000 đồng/ngày nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lâm Thục T phạm vào “Tội tham ô tài sản” với tình tiết tăng nặng định khung “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng tội, đúng khung hình phạt, đúng pháp luật.

[2] Khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm, Tòa án cấp sơ thẩm xét bị cáo Lâm Thục T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt nên áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và chỉ trên 6 tháng tù so với mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn là đã có nhiều chiều cớ vì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt là người lao động và số tiền chiếm đoạt không lớn nên cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Hoàng Thị D:

[3] Bị cáo Hoàng Thị D là người được giao nhiệm vụ in vé, bán vé và thu tiền vé của khách hàng sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo. Quá trình điều tra bị cáo D thừa nhận vào ngày 27/7/2022, bị cáo D có bán vé cho khách và qua xem trích xuất camera bị cáo thừa nhận có 399 khách tham gia trải nghiệm thực tế ảo, tại phiên tòa sơ thẩm qua xem trích xuất camera và tranh luận với Điều tra viên trực tiếp lấy lời khai của bị cáo thì bị cáo thừa nhận không bị bức cung, nhục hình trong quá trình lấy lời khai và bị cáo D thừa nhận tại Cơ quan điều tra

là bị cáo đã bán vé cho 399 khách tham gia trải nghiệm thực tế ảo phù hợp với số người trực tiếp tham gia trải nghiệm thực tế ảo như camera ghi lại, phù hợp với lời khai của các nhân chứng là nhân viên hướng dẫn cho khách trải nghiệm thực tế ảo là phải có vé mới được lên phi thuyền sử dụng dịch vụ điện tử trải nghiệm thực tế ảo. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trong ngày 27/7/2022, bị cáo **D** đã trực tiếp in và bán vé cho số lượng người tham gia trải nghiệm thực tế ảo là 399 người, nhưng chỉ báo về **Công ty B2** vé, chênh lệch 158 vé, do không đủ cơ sở xác định 158 vé chênh lệch là vé trẻ em hay vé người lớn, nên cấp sơ thẩm áp dụng cách tính có lợi cho **D** là tính 158 vé x 30.000 đồng/01 vé trẻ em = 4.740.000 đồng, số tiền này, bị cáo **D** không nộp về Công ty mà chiếm đoạt cho bản thân nên tuyên bố bị cáo **D** phạm vào “Tội tham ô tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự là không oan, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[4] Khoản 1 Điều 353 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt tù từ 2 năm đến 07 năm tù. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo **D** không thành khẩn khai báo, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có lợi cho bị cáo; bị cáo **D** gây thiệt hại không lớn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và cấp sơ thẩm đã xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là đúng pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị. Các bị cáo kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Lâm Thục T** và bị cáo **Hoàng Thị D**, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 34/2025/HS-ST ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Huế:

1. Về tội danh tuyên bố: Bị cáo **Lâm Thục T** và bị cáo **Hoàng Thị Diệu P** vào “Tội tham ô tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2, 5 Điều 353; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lâm Thục T** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 25/4/2024.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Lâm Thục T** đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

- Áp dụng khoản 1, 5 Điều 353; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Hoàng Thị D** 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Hoàng Thị D** đảm nhận chức vụ, công việc liên quan đến lĩnh vực kinh tế trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo **D** cho Ủy ban nhân dân phường X, quận T, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Lâm Thục T, Hoàng Thị D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc, kiểm tra I - TANDTC;
- Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân thành phố Huế;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Huế;
- Thi hành án dân sự thành phố Huế;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng lưu trữ; Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Kim Nhân